

Bản án số: 25/2020/HSST
Ngày 16 – 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc L

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị T

2. Ông Nguyễn Quốc S

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu H - Thư ký Tòa án ND thị xã Bỉm Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Lại Thị H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Vũ Ngọc T1 - Sinh ngày 15/01/1993, tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn N, phường L, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn B và bà Trương Thị Đ; Có vợ là Đào Thị N1 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã, bị tạm giữ từ ngày 05/5/2020, đến ngày 08/5/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

- Anh Hoàng Văn C - Sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, phường L, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Lê Xuân D - Sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 6, phường L, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

3. Người làm chứng:

- Anh Lê Anh T1 - Sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 1, phường B, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Đặng Văn H - Sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm T2, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất:

Vũ Ngọc T1 và Hoàng Văn C - Sinh năm 1992, trú tại xóm Nghĩa Môn, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn là bạn bè cùng thôn. Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, biết Hoàng Văn C có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade Biển kiểm soát 36F5 - 133.05 mới mua nên Vũ Ngọc T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh C. Để thực hiện ý định trên, ngày 12/8/2017, T1 đến nhà anh C, lợi dụng lúc không ai để ý, Vũ Ngọc T1 lấy trộm 01 chiếc thẻ căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn C đang để trong ví da trên bàn nơi phòng khách, mục đích để thuận lợi cho việc cầm cố xe. Sau đó T1 nói với anh C cho T1 mượn xe máy đi có việc một lát rồi sẽ quay lại trả, anh C đồng ý. T1 điều khiển xe đi lòng vòng một lúc nhưng không tìm được nơi cầm cố nên quay lại trả xe cho anh C. Đến ngày 22/8/2017, Vũ Ngọc T1 tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh C nên T1 đến nhà và nói dối anh C cho T1 mượn xe đi có việc một lúc sẽ quay lại trả. Anh C tưởng thật nên đồng ý giao xe cho T1 mượn. Lấy được xe, Vũ Ngọc T1 điều khiển chiếc xe máy của anh C đến ngay hiệu cầm đồ “ Anh T2” ở số 10, đường T3, phường B, thị xã Bỉm Sơn, tự nhận mình là Hoàng Văn C, có giấy tờ xe, căn cước công dân mang tên Hoàng Văn C cầm cố lấy 11.000.000đồng(*Mười một triệu đồng*), sau đó tắt điện thoại, bỏ đi chơi game rồi về nhà bạn ở phường B, thị xã Bỉm Sơn ngủ. Số tiền trên Vũ Ngọc T1 đã bỏ trốn, cắt liên lạc với anh C, gia đình và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi cho Vũ Ngọc T1 mượn xe, anh Hoàng Văn C không thấy T1 mang xe quay lại trả, anh C gọi điện thoại cho T1 nhưng không liên lạc được, đến nhà tìm nhưng T1 không có mặt tại gia đình. Ngày 30/8/2017, anh Hoàng Văn C đã đến Công an thị xã Bỉm Sơn trình báo sự việc nêu trên.

Ngày 18/3/2020, Hội đồng định giá tài sản thị xã Bỉm Sơn định giá, kết luận: 01(Một) xe mô tô BKS 36F5- 133.05, loại xe Honda Blade dung tích 109cm³, màu sơn: đen trắng, năm sản xuất: 2017, ngày đăng ký mới ngày 23/6/2017 có giá trị mua mới là 20.000.000đồng(*Hai mươi triệu đồng*), có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt (Ngày 22/8/2017) là 18.000.000 đồng(*Mười tám triệu đồng*).

Lần thứ hai:

Sau khi tiêu xài hết số tiền đã cầm cố chiếc xe mô tô của anh Hoàng Văn C, Vũ Ngọc T1 tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Lê Xuân D - Sinh năm 1995, trú tại khu phố 6, phường L, thị xã Bỉm Sơn. Để thực hiện ý định trên, sáng ngày 23/8/2017, T1 xin số điện thoại và gọi điện nhờ anh D đến cầu Đo đạc chở T1 đi có việc, nhưng anh D trả lời đang bận nên Vũ Ngọc T1 đi bộ một mình xuống khu vực chợ Ruồi thuộc khu phố 6, phường L, thị xã Bỉm Sơn mục đích để tìm anh D. Khoảng 12 giờ 30 phút khi đang đi bộ ở ngã tư

chợ Ruồi, Vũ Ngọc T1 phát hiện thấy anh Lê Xuân D điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda WAVE RSX BKS 36F5- 009.26 đi qua, Tứ liền gọi anh D lại và bảo cho T1 mượn xe đi xuống Công ty L4 có việc quan trọng khoảng 10 đến 15 phút sẽ quay lại trả, anh D do dự, không đồng ý, T1 tiếp tục nài nỉ: “*Tao có việc rất gấp, chỉ mượn đi một tý rồi quay lại trả ngay, mày cứ đứng đây chờ tao*”. Anh D tưởng thật nên đồng ý giao xe cho T1 mượn. Mượn được xe, Vũ Ngọc T1 điều khiển ngay đến quán cầm đồ “*Đăng H2*” ở địa chỉ số nhà 162, đường L5, phường L, thị xã Bim Sơn, gặp anh Đăng Văn H3, chủ cửa hiệu cầm đồ “*Đăng H3*”, Tứ nói với anh H3: “*Đây là xe máy của em, anh cho em cầm tạm mấy hôm*”, anh Hân đồng ý và đưa cho T1 5.000.000đồng(*Năm triệu đồng*). Sau khi nhận được tiền, T1 tắt điện thoại, cắt liên lạc với mọi người rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 18/3/2020, Hội đồng định giá tài sản thị xã Bim Sơn định giá, kết luận: 01(Một) xe mô tô BKS 36F5- 009.26, loại xe Honda WAVE RSX dung tích 110cm³, màu sơn: đỏ đen bạc, năm sản xuất: 2011, ngày đăng ký mới ngày 13/5/2011 có giá trị mua mới là 22.500.000đồng(*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), giá trị tại thời điểm chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt(Ngày 23/8/2017) là 12.000.000đồng(*Mười tám triệu đồng*).

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Vũ Ngọc T1 chiếm đoạt trong hai lần nêu trên là 30.000.000đồng(*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 23/3/2020, sau khi đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của Vũ Ngọc T1, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bim Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án và Quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Ngọc T1, đồng thời ra Lệnh bắt bị can để tạm giam. Tuy nhiên, khi thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam, Vũ Ngọc T1 bỏ trốn, không có mặt tại địa phương. Ngày 13/4/2020 Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy nã đối với Vũ Ngọc T1. Đến ngày 05/5/2020 Vũ Ngọc T1 bị Công an thị xã Bim Sơn phát hiện, bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn truy tố Vũ Ngọc T1 về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn đề nghị xét xử đối với bị cáo:

- Căn cứ pháp luật: Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.
- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Công đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 36F5 – 133.05 cùng giấy tờ; gia đình bị cáo Vũ Ngọc T1 đã trả lại số tiền 11.000.000 đồng cho anh T6 - Chủ cửa hiệu cầm đồ Anh T6, anh T6 đã nhận lại số tiền trên. Đối với chiếc xe mô tô BKS 36F5- 009.26, bị cáo đã chuộc và trả lại xe cho ông T7(Chủ sở hữu chiếc xe mô tô) và anh D, đến nay anh C, anh T6, ông T7

và anh D không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, Hội đồng xét xử có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã Bim Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát thị xã Bim Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời gian theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc Tứ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/8/2017 Vũ Ngọc T1 lợi dụng lúc không ai để ý, Tứ đã đến nhà anh Hoàng Văn C lấy trộm 01 chiếc thẻ căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn C với mục đích thuận lợi cho việc cầm cố xe. Sau đó T1 có mượn xe anh C đi, nhưng không tìm được nơi cầm cố nên đã quay lại trả xe cho anh C. Đến ngày 22/8/2017, T1 tiếp tục đến mượn xe của anh C, sau đó T1 đã điều khiển xe đến ngay hiệu cầm đồ “Anh T6” tự nhận mình là Hoàng Văn C, có giấy tờ xe, căn cước công dân mang tên Hoàng Văn C và cầm cố lấy 11.000.000 đồng.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/8/2017, Vũ Ngọc T1 gọi điện mượn anh Lê Xuân D chiếc xem máy nhãn hiệu Honda WAVE RSX BKS 36F5- 009.26. Mượn được xe T1 điều khiển xe ngay xuống quán cầm đồ Đặng H3 ở số 162, đường Lê Lợi, phường lam Sơn, thị xã Bim Sơn gặp anh Đặng Văn H3, và cầm cố được 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản cáo

trạng truy tố bị cáo là đảm bảo có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo.

Do bị cáo T1 đã nảy sinh ý thức chiếm đoạt từ trước, sau đó có hành vi gian dối để mượn tài sản của người khác rồi đem đi cầm cố lấy tiền nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình, nên hành vi phạm tội của bị cáo T1 đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Quyền sở hữu tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, Tứ đã không muốn bỏ sức lao động chân chính để có được, bản thân không có khả năng xin được việc làm nhưng bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu tài sản và những người quen biết nên Tứ đã chiếm đoạt của nhiều người với tổng số tiền là 30.000.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo Tứ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời còn gây hoang mang tâm lý trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo đã phạm tội 02 lần đối với một hành vi, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi biết tài sản do Vũ Ngọc Tứ cầm cố là vật chứng của vụ án, anh Lê Anh T3 – Chủ cửa hiệu cầm đồ “Anh T3” đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe máy trên cùng giấy đăng ký xe, thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Văn C cho Cơ quan điều tra để phục vụ giải quyết vụ án.

Ngày 14/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bim Sơn đã trả lại chiếc xe trên cùng giấy đăng ký xe và thẻ căn cước công dân cho anh Hoàng Văn C, anh C đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chiếc xe máy BKS 36F5- 009.26 Vũ Ngọc T1 chiếm đoạt của anh Lê Xuân D là tài sản của ông Lê Xuân T7 (bố đẻ anh D). Sau khi sự việc xảy ra, ông T7 và anh D nhiều lần đến tìm T1 để đòi lại xe nhưng bị cáo T1 không có mặt tại địa phương. Ngày 28/8/2017, anh Lê Xuân D và ông Lê Xuân T7 đã đến Công an thị xã Bim Sơn trình báo sự việc. Tháng 03/2018, Vũ Ngọc T1 đã trả lại chiếc xe trên cho ông Thắng. Ông Lê Xuân T7 và anh Lê Xuân D đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Như vậy, việc bị cáo và gia đình đã tự nguyện trả lại số tiền 11.000.000 đồng cho anh Lê Anh T3 - Chủ cửa hiệu cầm đồ và trả lại tài sản cho bị hại là anh Hoàng Văn Công và anh Lê Xuân D. Đến nay các bên đều thống nhất không có ý kiến và yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Đối với anh Lê Anh T3 - Chủ cửa hiệu cầm đồ “ Anh T3”, khi cho Vũ Ngọc T1 cầm cố xe, anh Tiến không biết đây là tài sản do T1 phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý anh Tiến.

Đối với anh Đặng Văn H3 - Chủ hiệu cầm đồ “ Đặng H3”. Theo báo cáo của gia đình và địa phương, hiện nay anh H3 đang đi làm ăn xa, gia đình không rõ địa chỉ và không liên lạc được với anh H3 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bim Sơn chưa có căn cứ xử lý anh H3.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 331, Điều 333, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Ngọc T1 24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/5/2020.

Về án phí: Bị cáo Vũ Ngọc T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND thị xã Bim Sơn;
- Chi cục THA DS thị xã Bim Sơn;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

